14. Chữ văn-phạm : Grammatical particles

a. Chữ đầu câu : Initial particles

đởng	đừng	don't
đởng di	đừng	don't
buh	đừng	don't
uhiã	rồi	then
si hiã	rồi	then
unũn	rồi	then
yở hiã	đã,rồi	so
khung	cũng	also
mã	và	and
mã khung yở	cũng	also
truh di	đến nỗi	until
hiã jởh	đã	so
avi	nếu	if(contrary to fact)
wởi lah	nếu	if
jumã uãn	trước hết	first of all
khung hmũ	cũng có	also have
mãq	đối với	as for...
hiã mã	đàng này	then,at that
buh ahiởq oh	không sao	never mind
dadi	đúng rồi	that's right
buh djởq oh	không phải	not that
unĩ	này	this
pilih	có lẽ	perhaps
chac	có lẽ	perhaps
alởi	tại sao	why,what
alởi caya	cái gì	what
ati	đâu	where
hayởu	sao	what,why
hadùp	bao nhiêu	how much

14. Chữ văn-phạm — Grammatical particles

hmũ luq	có không	do (you) have?
ajơq	sao	why, how
ajơq oh	tại sao	why
ajơq hageq	vì sao	why
tuq	kế	then
tuq hiã	kế	then
juddi hiã	sau khi	after that
song hiã	sau khi	after that
song	rồi	then
mũh	từ	from

b. Trạng-từ đầu câu : Initial adverbs

blơh	thinh linh	suddenly
siñing sinãng	thinh linh	suddenly
blam	thinh linh	suddenly
puah	thinh linh	suddenly

c. Trợ-động-từ : Preverbal auxiliaries

cơ	cứ	still
khiãh	vừa	just
khiang	muốn	want
jeq si	sắp	about to
khung	cũng	also
dòq	còn	still
ca	chưa	not yet
ca buh	chưa	not yet
buh	không	not
song	rồi	after
phai	phải	must

d.Hậu-trí-từ : Final particles

hiã	đó	that
si hiã	như vậy	like that
chởng hiã	như vậy	like that
cunĩ	trước	previous
vloh	rồi	already
si hiã luq	không?	yes/no question
djởq luq	không?	yes/no question
mĩn	không?	yes/no question
vloh	chưa?	yet?
vèq		contrary to fact
jở hởiq		contrary to plan
chởng hiã jởh	như vậy	like that
si gởq	chung	together
luq	không?	question
yởh	đi	mild imperative
veq	đi	imperative

e.Tiền-trí-từ : Prepositions

ti	ở	at
đi	tư	from
ralau di	hơn	more
ta	ở,tại	at
ga	cho	to,for
si	cùng,với	with
paq	tại	at
mũh	tư	from
la	trong	in,at
dalap	trong	in

14.Chủ văn-phạm — Grammatical particles

la dalap	ở trong	inside
chơng	nhơ	like
tòp wit (tòp da)	chung quanh	around
yơ	như	like
truh	đến	to

f.Trạng-từ : Postverbal adverbs

uãn	lắm	very
ãiq uãn	nhiều lắm	very much
ãiq	nhiều	much
lu	lắm	very
avih	hết	all,completely
soh	chỉ	only
song	xong	already
dadi	thật	truly
tra	nữa	more
ranơng	thiệt	even
wơq	lại	again
liơ	luôn	continually
sa brơp	tức khắc	immediately
miơc	miết	continually
saben,saben	lần lần	gradually
saben	một chút	a little
buh magơi	không nổi	impossible
jơc	được	possible
carơi	riêng	alone
chơng gơq	như nhau	alike
rai rai	từ-từ	slowly

g.Loại-từ : Classifiers

acoq	đỉnh	summit
aduq	gian	room
ahóq	chiếc	vehicle
amớp	chùm	cluster,bunch
amùq	buồng	bunch
beq	cái,ngón	stick-like object
bòq	bó	bundle
caloq	chai	bottleful
canoh	khúc	section
cayđu	cây	tree
chađeh	miếng,cục	small pieces
đac	sợi	string-like object
drđi	con	living beings
duq	chương,khúc	section
gah	chiếc,bên	one of a pair
hlàq	lá	leaf-like object
hu	vò	jugful
inã	con	vermin
jaluq	tô	bowlful
jàq	gùi	basketful
jro	thạp	crockful
manđq	món	item,type
manũih	người	person
muvah	khẩu	mouthful
phun	chùm	cluster
phut	cái	tree-like object
ràc	con	person

14.Chữ văn-phạm — Grammatical particles

ralo	thịt	meat
tadiang	giãy	row,sentence
tapuơn	bầy,đám	flock,group
tasi	nải	hand
viluai	bầu	gourdful
vlah	cái,tờ,tấm	general classifier
vlòc	cái	stocky object
voh	cái	general classifi

h.Liên-từ : Connectives

đảq mã	để mà	in order to
truh di	đến nỗi	until...
cayua	vì	because,for
cayua mũh	tại vì	because
mũh	vì	because
hala	hay là	or
ga si/gơm si	cùng,với	with
gơm	và	and,so
khung la	cũng	also

i.Thán-từ : Exclamations

itai	úi chà	well,well!
hơi	dạ	yes
ơ	ơ	hey
dun sa	tội nghiệp	too bad,a pity
anit ana	dễ thương	how cute

j.Chữ đồng-cách : Echo particles

(buh)... oh	không..đâu	negative
acoq..acoq..		
mũh..truh di..	từ...tới	from...to...
buh...mã jớc		

Tủ-Sách Ngôn-Ngữ
Dân-Tộc Thiểu-Số Việt-Nam
Cuốn 3
Phần 1

SURAQ VUNGÃ SANÃP RADLAI

NGỮ - VỰNG RƠGLAI

NORTHERN ROGLAI VOCABULARY

Awdi-hathe,

Aviong, A-Tý, A-Ly,

Maxwell and Vurnell Cobbey

Summer Institute of Linguistics
Viện Chuyên-Khảo Ngữ-Học
58 E 72 1977